TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ H** **TỈNH HÀ GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 44/2020/QĐST-HNGĐ	*H, ngày 20 tháng 4 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 43/2020/TLST- HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2020, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Vàng Thị T.

- Bị đơn: Anh Vương Văn T.

Địa chỉ: Cùng trú tại SN 01, ngõ 13 đường Nguyễn Viết Xuân, tổ 12 phường T, thành phố H, tỉnh Hà Giang.

Căn cứ vào khoản 3 Điều 147; Điều 212 và 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ vào điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 10 tháng 4 năm 2020.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành 10 tháng 4 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Vàng Thị T và anh Vương Văn T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Vàng Thị T và anh Vương Văn T tự nguyện thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao cháu Vương Tiến T1, sinh ngày 24/9/2008 cho chị Vàng Thị T trực tiếp chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. anh Vương

Văn T phải cấp dưỡng nuôi con chung 1.500.000đ/tháng *(Một triệu năm trăm nghìn đồng/tháng)* kể từ ngày 01/4/2020 cho đến khi cháu Vương Tiến T1 đủ 18 tuổi. Chị Vàng Thị T là người trực tiếp nhận tiền cấp dưỡng nuôi con hàng tháng. Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con là không cố định. Anh Vương Văn T có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai có quyền cản trở.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Về Tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự tự thoả thuận không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về án phí: Chị Vàng Thị T tự nguyện chịu toàn bộ án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình là 150.000đ *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* và 150.000đ *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* tiền án phí cấp dưỡng nuôi con, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* chị Vàng Thị T đã nộp theo biên lai thu số 0002037 ngày 13/3/2020, tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Hà Giang.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND TPH;
- CCTHA dân sự TPH;
- TAND tỉnh HG;
- UBND xã Đ, huyện Y;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Vũ Mỹ Lệ